

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**
Số: 18/2021/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thạch Thành, ngày 07 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 114/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Bùi Văn C; sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Bùi Thị T; sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn C và chị Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 15/12/2009, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị TAND huyện Thạch Thành giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Nghĩ nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu của anh C và chị T.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Bùi Mai L, sinh ngày 07/5/2010. Ly hôn, anh C và chị T thỏa thuận giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

[3]. Về tài sản: Anh C và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh C và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh C tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn C và chị Bùi Thị T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Anh C và chị T thống nhất giao con chung là cháu Bùi Mai L, sinh ngày 07/5/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về lệ phí: Anh Bùi Văn C tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí DSST về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí DSST anh C đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2018/0003120, ngày 20/5/2021. Anh C đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Cúc